



Số/No.: 553/2026/CV-SSI.CTHĐQT
V/v: Công bố các Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc triển khai phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
Re: *Disclose Resolutions of the Board of Directors on the implementation of the shares issuance under the Employee Stock Ownership Plan*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 5 năm 2026
Ho Chi Minh City, May 8th, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK**

**DISCLOSURE OF INFORMATION
ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**
Organization name: **SSI SECURITIES CORPORATION**
Mã chứng khoán: SSI
Ticker: SSI
Địa chỉ trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
Address: 72 Nguyen Hue, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Telephone: 028-38242897
Fax: 028-38242997
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Kim Long
Spokesman: Nguyen Kim Long
Chức vụ: Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ
Position: Director, Legal and Compliance

Loại thông tin công bố 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Information disclosure type 24 hours irregular on demand periodic

Nội dung thông tin công bố/ *Content of information disclosure:*

1. Nghị quyết số 07/2026/NQ-SSI.HĐQT ngày 07/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI về việc thông qua Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Resolution No. 07/2026/NQ-SSI.HĐQT dated May 7th, 2026 of the Board of Directors of SSI Securities Corporation on approval of the Implementation of the Plan on shares issuance under the Employee Stock Ownership Plan



2. Nghị quyết số 08/2026/NQ-SSI.HĐQT ngày 07/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI về việc thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Resolution No. 08/2026/NQ-SSI.HĐQT dated May 7th, 2026 of the Board of Directors of SSI Securities Corporation on approval of Regulation on shares issuance under Employee Stock Ownership Plan

3. Nghị quyết số 09/2026/NQ-SSI.HĐQT ngày 07/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI về việc thông qua Danh sách người lao động đủ điều kiện mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Resolution No. 09/2026/NQ-SSI.HĐQT dated May 7th, 2026 of the Board of Directors of SSI Securities Corporation on approval of List of employees entitled to purchase shares issued under the Employee Stock Ownership Plan

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 08/5/2026 tại đường dẫn www.ssi.com.vn.

This information was posted on SSI website on May 8th, 2026 at this link www.ssi.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được ủy quyền công bố thông tin

Representative authorized to disclose information



Nguyễn Kim Long

**Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ
Director, Legal and Compliance**





Số: 07/2026/NQ-SSI.HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Về việc thông qua Triển khai phương án phát hành cổ phiếu
theo chương trình lựa chọn cho người lao động**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Nghị quyết số 01/2026/NQ-SSI.ĐHĐCĐ ngày 23/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Biên bản tổng hợp ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT") ngày 07/5/2026;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2026/NQ-SSI.ĐHĐCĐ ngày 23/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

I. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP" hoặc "Chương trình")

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
Mã chứng khoán	SSI
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Đối tượng phát hành	Thành viên HĐQT, nhân sự chủ chốt của Công ty và công ty con
Số lượng phát hành	10.000.000 (mười triệu) cổ phần
Giá phát hành	Bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần
Thời gian thực hiện dự kiến	Quý II/2026 đến hết Quý IV/2026 và sau khi nhận được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Hạn chế chuyển nhượng	Chỉ được chuyển nhượng 50% sau 02 năm và 50% còn lại sau 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, ngoại trừ trường hợp cổ phiếu được mua lại theo Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP. Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cán bộ nhân viên (CBNV) khi được HĐQT phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định nêu trên.
Nguyên tắc làm tròn cổ phiếu	Sau khi xác định số lượng cổ phiếu ESOP phân phối cho CBNV, để đảm bảo không vượt quá số lượng phát hành, số lượng cổ phiếu sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm.
Phương thức xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết	Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho CBNV (gồm số cổ phiếu còn dư do CBNV không thực hiện mua hoặc CBNV không còn thuộc đối tượng hoặc tiêu chuẩn phân bổ ESOP trong thời gian từ ngày HĐQT thông qua danh sách người lao động đủ điều kiện mua cổ phiếu ESOP đến ngày UBCKNN công bố về việc nhận đủ hồ sơ phát hành cổ phiếu ESOP) sẽ được HĐQT phân phối tiếp cho CBNV thỏa mãn tiêu chuẩn phân bổ cổ phiếu ESOP với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu hoặc chấm dứt đợt phát hành theo quyết định của HĐQT. Trường hợp HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt phát hành.
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại SSI là 100%. Vì vậy, người lao động là nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nếu được mua cổ phiếu theo Chương trình.
Tiêu chuẩn phân bổ	Theo Phụ lục 01 đính kèm

Chi tiết nội dung khác theo nội dung được thông qua tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2026/NQ-SSI.ĐHĐCĐ ngày 23/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông.

II. Thông qua Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành và thời gian sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành

- Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành là 100.000.000.000 đồng được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.
- Thời gian sử dụng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành là tối đa một tháng kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty.

III. Thông qua việc đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần đã phát hành của Công ty theo đúng quy định của pháp luật

HĐQT cam kết sẽ thực hiện các thủ tục nêu trên ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành.

Điều 2: Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định các công việc và ký các văn bản, tài liệu có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Quyết định cụ thể thời gian thực hiện phát hành;
- Quyết định tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua cổ phiếu;
- Quyết định đối tượng phát hành phù hợp với tiêu chuẩn quy định tại Điều 1 Nghị quyết này, và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về việc phát hành, thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký, niêm yết bổ sung số cổ phiếu đã được phát hành;
- Sửa đổi Điều lệ Công ty để ghi nhận việc tăng vốn điều lệ và làm thủ tục tăng vốn điều lệ theo kết quả phát hành tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành;
- Các công việc khác để hoàn tất việc phát hành phù hợp hoạt động của Công ty, quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Trong phạm vi ủy quyền nêu trên, Tổng Giám đốc được ủy quyền để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Theo Điều 3;
- HĐQT, BTGD;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC 01

TIÊU CHUẨN PHÂN BỐ CỔ PHIẾU ESOP

(Đính kèm Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2026/NQ-SSI.HĐQT ngày 07/5/2026)

1. Tiêu chuẩn tham gia

- a. Cán bộ nhân viên (CBNV) của Công ty, Công ty con thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
- Hợp đồng lao động với Công ty, Công ty con đang còn hiệu lực, kết quả đánh giá hiệu quả công việc năm 2025 xếp loại B trở lên và **thời gian làm việc tối thiểu 09 tháng** tính tại ngày 07/5/2026;
 - Top **20** Chuyên gia/Chuyên viên cao cấp/Chuyên viên tư vấn chứng khoán năm 2025;
 - Top 10 Trưởng phòng Tư vấn Chứng khoán năm 2025;
 - Trường hợp đặc biệt (CBNV Tiềm năng) theo đề xuất của Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng bộ phận và được Chủ tịch HĐQT phê duyệt.
- b. Chuyên gia, nhân sự cao cấp do Công ty, Công ty con thu hút tuyển dụng (CBNV Thu hút tuyển dụng) và được Chủ tịch HĐQT quyết định.
- c. Thành viên HĐQT (bao gồm cả Chủ tịch công ty con): theo quyết định của Chủ tịch HĐQT.
- d. Không áp dụng đối với:
- Nhân viên có đơn xin thôi việc hoặc đã nghỉ việc tính tại ngày 07/5/2026;
 - Nhân viên hiện đang nghỉ không lương với thời hạn từ 01 năm trở lên tính tại ngày 07/5/2026;
 - Lái xe, nhân viên/trợ lý hành chính của các bộ phận;
 - Nhân viên bị xử lý kỷ luật dưới bất kỳ hình thức nào trong vòng 01 năm tính đến ngày 07/5/2026.

2. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân bổ

- a. Tổng số cổ phiếu ESOP được phân bổ cho các nhóm và số lượng cổ phiếu phân bổ cho từng nhóm do Chủ tịch HĐQT quyết định, chi tiết các nhóm:

Stt	Nhóm
1	Thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả Chủ tịch công ty con)
2	CBNV Thu hút tuyển dụng
3	CBNV Tiềm năng
4	Top Tư vấn chứng khoán
5	Cán bộ nhân viên

- b. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu phân bổ cho CBNV của từng nhóm:

Số lượng cổ phiếu phân bổ cho từng CBNV trong mỗi nhóm được xác định như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị: Số lượng cổ phiếu cho từng thành viên trong nhóm do Chủ tịch HĐQT phân bổ.
- CBNV Thu hút tuyển dụng: Số lượng cổ phiếu cho từng thành viên trong nhóm được xác định theo thỏa thuận với CBNV khi tuyển dụng và do Chủ tịch HĐQT phê duyệt.

- Các nhóm còn lại:
- + Công thức phân bổ cổ phiếu cho từng CBNV

Số lượng cổ phiếu được phân bổ cho từng CBNV = Tổng điểm nhân viên x (Số lượng cổ phiếu/1 điểm) x Hệ số điều chỉnh

Trong đó:

Tổng điểm của nhân viên = (Điểm đánh giá từng tiêu chí x Tỷ trọng từng tiêu chí) x Hệ số cấp bậc.

Số lượng cổ phiếu/1 điểm = Số lượng cổ phiếu phân bổ cho từng nhóm tính bằng tổng điểm của toàn bộ nhân viên trong nhóm đó.

Hệ số điều chỉnh: Trường Bộ phận điều chỉnh dựa trên đánh giá mức độ đóng góp phát triển văn hóa doanh nghiệp, tỷ lệ không vượt quá 35% (tăng/giảm) đối với mỗi trường hợp và không vượt quá số lượng cổ phiếu phân bổ cho từng nhóm.

- + Tiêu chí và hệ số phân bổ

Tiêu chí và hệ số phân bổ chung gồm có:

- ✓ Năng lực phát triển toàn diện, bao gồm: Năng lực lãnh đạo, Khả năng đổi mới sáng tạo và Khả năng thích ứng thay đổi;
- ✓ Hiệu quả đóng góp cho Công ty;
- ✓ Mức độ gắn bó với Công ty;
- ✓ Cấp bậc vị trí trong Công ty.

Nhóm NV \ Tiêu chí	Năng lực phát triển toàn diện			Hiệu quả đóng góp năm 2025	Mức độ gắn bó	Cấp bậc vị trí
	Năng lực lãnh đạo	Khả năng đổi mới sáng tạo	Khả năng thích ứng với thay đổi			
Cán bộ Nhân viên	10%	20%	10%	50%	10%	Theo hệ số từng nhóm cấp bậc
Top 10 Trưởng Phòng Tư vấn chứng khoán năm 2025	10%	20%	10%	55%	5%	
Top 20 Chuyên gia/Chuyên viên cao cấp/Chuyên viên Tư vấn Chứng khoán năm 2025						
Mục tiêu	Khả năng dẫn dắt, quản lý đội nhóm/ dự án để triển khai nhiệm vụ hiệu quả	Chủ động đề xuất và thực hiện sáng kiến để nâng cao hiệu quả hoạt động Bộ phận và Công ty	Sẵn sàng giải pháp để tối ưu công việc, đồng thời linh hoạt, chủ động thích ứng nhanh trước mọi thay đổi	Thể hiện hiệu suất làm việc và kết quả đóng góp của nhân viên vào sự phát triển chung cho Công ty trong năm 2025	Thể hiện quá trình gắn bó, cống hiến cho Công ty và gắn kết đồng hành lâu dài cùng với Công ty	Vai trò, trách nhiệm và phạm vi ảnh hưởng của các vị trí đối với Công ty, thể hiện thông qua việc xác định cấp bậc tương quan của các vị trí khác nhau
Nguồn dữ liệu	Bộ phận đánh giá - dựa trên các dữ liệu/ bằng chứng cụ thể (ví dụ số sáng kiến tham gia S-Shine, các Thành tích hoặc Khen thưởng cụ thể của cá nhân,)			Kết quả đánh giá hiệu quả công việc năm 2025	Số năm làm việc tại Công ty và/hoặc đánh giá của Bộ phận về mức độ cam kết gắn bó	Mức độ phức tạp vị trí, trọng yếu của từng vị trí trong từng nhóm chức danh và mức độ khan hiếm trên thị trường

Tiêu chí và hệ số phân bổ chi tiết gồm có:

NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

Năng lực lãnh đạo	Quy điểm	Tỷ trọng	Khả năng đổi mới sáng tạo	Quy điểm	Tỷ trọng	Khả năng thích ứng với thay đổi	Quy điểm	Tỷ trọng
Cấp độ 0: Không có vai trò lãnh đạo hoặc ảnh hưởng nội bộ	0	10%	Cấp độ 0: Thực hiện công việc theo quy trình sẵn có, không có ý tưởng cải tiến hoặc tham gia đổi mới	0	20%	Cấp độ 0: Không thích nghi, cản trở hoặc chống lại sự thay đổi	0	10%
Cấp độ 1: Hỗ trợ quản lý, chưa trực tiếp dẫn dắt đội nhóm	1	10%	Cấp độ 1: Thỉnh thoảng có ý tưởng cải tiến nhưng chưa thực sự hiệu quả	1	20%	Cấp độ 1: Chấp nhận thay đổi nhưng cần nhiều hỗ trợ để có thể thích nghi	1	10%
Cấp độ 2: Dẫn dắt nhóm hoặc dự án nhỏ, có khả năng tổ chức và điều phối công việc.	2	10%	Cấp độ 2: Đóng góp ý tưởng cải tiến nhỏ nhưng thiết thực ở cấp độ công việc cá nhân hoặc phòng ban	2	20%	Cấp độ 2: Thích nghi tốt với thay đổi nhưng cần thời gian	2	10%
Cấp độ 3: Quản lý đội nhóm hiệu quả, có ảnh hưởng trong tổ chức và thúc đẩy tinh thần làm việc.	3	10%	Cấp độ 3: Tích cực đổi mới, có ý tưởng được áp dụng thành công ở cấp phòng ban hoặc Công ty	3	20%	Cấp độ 3: Nhanh chóng thích ứng với môi trường và quy trình mới	3	10%
Cấp độ 4: Đóng vai trò lãnh đạo chiến lược, tạo ảnh hưởng lớn, thúc đẩy đội nhóm đạt thành tích cao.	4	10%	Cấp độ 4: Dẫn đầu trong đổi mới, tạo ra các sáng kiến mang tính chiến lược hoặc đột phá giúp thay đổi và tối ưu hoạt động cả tổ chức	4	20%	Cấp độ 4: Chủ động dẫn dắt và thúc đẩy thay đổi trong tổ chức	4	10%

HIỆU QUẢ ĐÓNG GÓP VÀ MỨC ĐỘ GẮN BÓ

ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN					
HIỆU QUẢ ĐÓNG GÓP			MỨC ĐỘ GẮN BÓ		
Kết quả	Quy điểm	Tỷ trọng	Kết quả	Quy điểm	Tỷ trọng
C	1	50%	Dưới 1 năm	0	10%
B	2	50%	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	1	10%
A	4	50%	Từ 3 năm đến dưới 5 năm	2	10%
			Từ 5 năm đến dưới 10 năm	3	10%
			Từ 10 năm trở lên	4	10%
ĐỐI VỚI TOP TƯ VẤN CHỨNG KHOÁN					
TOP 10 TRƯỞNG PHÒNG TƯ VẤN CHỨNG KHOÁN			MỨC ĐỘ GẮN BÓ		
Xếp hạng từ 7 – 10	1	55%	Dưới 1 năm	0	5%
Xếp hạng từ 4 – 6	2	55%	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	1	5%
Xếp hạng từ 1 – 3	4	55%	Từ 3 năm đến dưới 5 năm	2	5%
TOP 20 CHUYÊN GIA/CHUYÊN VIÊN CAO CẤP/CHUYÊN VIÊN TƯ VẤN CHỨNG KHOÁN			Từ 5 năm đến dưới 10 năm	3	5%
Xếp hạng từ 11 – 20	1	55%	Từ 10 năm trở lên	4	5%
Xếp hạng từ 6 – 10	2	55%			
Xếp hạng từ 1 – 5	4	55%			

CẤP BẬC VỊ TRÍ

Cấp bậc vị trí (PC)	Nhóm cấp bậc	Khung hệ số cấp bậc
PC 46	Nhân viên	Từ 0,1 đến dưới 0,2
PC 47	Chuyên viên	Từ 0,2 đến dưới 0,3
PC 48 - 50	Chuyên viên Cao cấp	Từ 0,3 đến dưới 0,5
PC 51 - 53	Quản lý Sơ cấp	Từ 0,5 đến dưới 0,8
PC 54 - 56	Quản lý Trung cấp	Từ 0,8 đến dưới 1,3
PC 57 - 58	Quản lý Cao cấp	Từ 1,3 đến dưới 2,6
PC 59 - 60	Lãnh đạo	Từ 2,6 đến dưới 5,2
PC 61 - 64	Lãnh đạo cao cấp	Từ 5,2 đến dưới 8



**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Về việc thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu
theo chương trình lựa chọn cho người lao động****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Nghị quyết số 01/2026/NQ-SSI.ĐHĐCĐ ngày 23/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Biên bản tổng hợp ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị ngày 07/5/2026;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2026/NQ-SSI.ĐHĐCĐ ngày 23/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông đính kèm.

Điều 2: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Theo Điều 2;
- HĐQT, BTGD;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****Nguyễn Duy Hưng**

QUY CHẾ
PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2026/NQ-SSI.HĐQT ngày 07/5/2026)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động áp dụng đối với cán bộ nhân viên đủ tiêu chuẩn theo quy định của Quy chế, đang làm việc tại SSI và các công ty con được quy định cụ thể tại Điều 8 của Quy chế.

Quy chế này chỉ áp dụng cho cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2026/NQ-SSI.ĐHĐCĐ ngày 23/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trước đây thực hiện theo Quy chế tại thời điểm phát hành.

ĐIỀU 2. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Trong Quy chế này, ngoại trừ ngữ cảnh và nội dung quy định thể hiện khác đi, các khái niệm và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. **SSI hoặc Công ty:** Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.
2. **Quy chế:** Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
3. **Công ty con:** các Công ty mà SSI (i) sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
4. **ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông của SSI.
5. **HĐQT:** Hội đồng quản trị của SSI.
6. **CT HĐQT:** Chủ tịch Hội đồng quản trị của SSI.
7. **CBNV:** Cán bộ nhân viên.
8. **ESOP:** Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.
9. **UBCKNN:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
10. **HĐLĐ:** Hợp đồng lao động.
11. **Cổ phiếu:** cổ phiếu SSI.

ĐIỀU 3. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("Chương trình") nhằm mục đích:

1. Gắn kết đội ngũ nhân sự phù hợp với mục tiêu và chiến lược phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty, đồng thời ghi nhận những đóng góp xuất sắc trong quá trình phát triển, đổi mới và tái cấu trúc tổ chức.
2. Khuyến khích và giữ chân nhân sự chủ chốt, tăng cường mức độ cam kết và gắn kết lợi ích cá nhân với sự phát triển dài hạn của Công ty.
3. Tạo động lực thúc đẩy hiệu suất làm việc, cải thiện năng suất và đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững của Công ty.
4. Thu hút nhân sự mới có năng lực, kinh nghiệm và tiềm năng phát triển phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty.

Ngoài ra, Chương trình cũng huy động thêm vốn lưu động cho Công ty.

ĐIỀU 4. Ý NGHĨA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình cho phép CBNV cùng hưởng giá trị gia tăng mà Công ty tạo ra đồng thời đạt được những mục tiêu:
 - a. Thu hút nhân sự mới và giữ các nhân viên có năng lực;
 - b. Thúc đẩy động lực làm việc của nhân viên;
 - c. Gắn lợi ích của nhân viên với lợi ích của Công ty;
 - d. Đãi ngộ xứng đáng cho nhân viên.
2. Đối với CBNV
 - a. Có động lực đồng hành với sự phát triển của Công ty;
 - b. Công ty tăng trưởng, nhân viên được hưởng các lợi ích khác từ tiền lương và tiền thưởng.
3. Đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý
 - a. Tạo động lực làm việc, gắn bó các lãnh đạo của các công ty thành viên với mục tiêu dài hạn;
 - b. Bổ sung thu nhập, tăng tính cạnh tranh của gói quyền lợi so với thị trường;
 - c. Là nguồn thu nhập bổ sung cho các kết quả đóng góp của các thành viên chủ chốt;
 - d. Thu hút những nhân lực xuất sắc mới và giữ chân những người tài giỏi trong Công ty;
 - e. Tạo văn hóa "nghiệp chủ" trong giới lãnh đạo và quản lý (quan tâm đến sự phát triển dài hạn của doanh nghiệp với các suy nghĩ giống như cổ đông đang suy nghĩ).
4. Đối với Công ty
 - a. Hạn chế lượng tiền mặt phải chi ra cho các chương trình phúc lợi;
 - b. Giá trị Công ty gia tăng sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn đầu tư vào Công ty, đáp ứng các mục tiêu chiến lược và phát triển trong dài hạn;
 - c. Tạo sự tin tưởng của các đối tác;
 - d. Hình ảnh Công ty ngày càng được nâng cao và tạo hiệu ứng tốt trong xã hội.
5. Đối với cổ đông
 - a. Giá trị tài sản của cổ đông tăng lên do Công ty tăng trưởng tốt;
 - b. Hạn chế bớt chi tiền mặt từ lợi nhuận Công ty để thưởng cho CBNV.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH VÀ ĐIỀU KIỆN KÈM THEO

ĐIỀU 5. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Tổng số cổ phiếu phát hành: 10.000.000 (mười triệu) cổ phiếu.
2. Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
3. Hình thức cổ phiếu: phát hành theo hình thức ghi sổ.
4. Đối tượng phát hành: Thành viên HĐQT, nhân sự chủ chốt của SSI và công ty con (chi tiết tại Điều 8 Quy chế).
5. Giá phát hành: bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
6. Trường hợp người được quyền mua không mua hết số cổ phiếu được phân bổ thì số cổ phiếu này được phân phối cho người khác thuộc đối tượng phát hành tại Quy chế này.

7. Hạn chế chuyển nhượng:

- a. Chỉ được chuyển nhượng 50% sau 02 năm và 50% còn lại sau 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, ngoại trừ trường hợp cổ phiếu được mua lại theo Quy chế này thì sẽ không còn hạn chế chuyển nhượng. Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho CBNV khi được HĐQT phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định nêu trên.

Công ty mua lại cổ phiếu của CBNV đã mua cổ phiếu ESOP mà vi phạm quy định về hạn chế chuyển nhượng theo Điều 7 của Quy chế này.

- b. Các quyền, lợi ích phát sinh từ cổ phiếu, bao gồm quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu, trong thời gian hạn chế chuyển nhượng nêu tại điểm a Khoản 7 của Điều này sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng. Cổ phiếu được nhận từ các đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và cổ phiếu trả cổ tức phát sinh từ cổ phiếu mua theo Chương trình mà đang còn bị hạn chế chuyển nhượng sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng nhưng sẽ bị khấu trừ như quy định tại Điều 7.1 của Quy chế này.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KIỆN KÈM THEO CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

CBNV đồng ý mua cổ phiếu phát hành theo Quy chế này được xem là đồng ý với điều kiện kèm theo cũng như tất cả các quy định khác của Công ty có liên quan, trong đó chủ yếu bao gồm:

1. Thời gian hạn chế chuyển nhượng quy định tại Khoản 7 Điều 5. Hạn chế chuyển nhượng bao gồm cả việc hạn chế tặng, cho, góp vốn, dùng làm phần thưởng,... hoặc bất kỳ hình thức nào khác có thể dẫn đến việc thay đổi người sở hữu cổ phiếu.
2. Nộp đầy đủ tiền mua cổ phiếu trong thời hạn thông báo của Công ty.
3. Tự chịu trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân hoặc bất kỳ khoản thuế, phí nào khác phát sinh từ việc mua cổ phiếu, thực hiện các quyền phát sinh từ cổ phiếu, chuyển nhượng cổ phiếu sau khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.
4. Công ty không có bất kỳ cam kết nào dù bằng văn bản hay hàm ý bảo đảm giá trị cổ phiếu, sự pha loãng cổ phiếu xảy ra trước và sau khi phát hành cổ phiếu theo Quy chế này. CBNV có trách nhiệm tìm hiểu thông tin và được quyền quyết định từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu được phân bổ.

ĐIỀU 7. PHƯƠNG ÁN MUA LẠI CỔ PHIẾU ESOP VÀ BÁN RA CỔ PHIẾU ESOP ĐƯỢC MUA LẠI

1. Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, CBNV mua cổ phiếu theo Chương trình này mà chuyển nhượng trái phép cổ phiếu, nghỉ việc hoặc không còn công tác tại Công ty vì bất kỳ lý do gì, bị sa thải hoặc vi phạm pháp luật hoặc nội quy Công ty đến mức mà Chủ tịch HĐQT cho là nghiêm trọng thì bị mua lại cổ phiếu ngoại trừ trường hợp CT HĐQT phê duyệt cách thức xử lý khác. Công ty sẽ hoàn trả số tiền mua lại cổ phiếu theo giá phát hành (không khấu trừ cổ tức bằng tiền đã nhận). Để tránh hiểu lầm, cổ phiếu được nhận từ các đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ phiếu trả cổ tức phát sinh từ cổ phiếu mua theo Chương trình mà còn bị hạn chế chuyển nhượng theo điểm b Khoản 7 Điều 5 sẽ bị khấu trừ với giá 10.000 đồng/cổ phiếu khi CBNV bị mua lại cổ phiếu mua theo Chương trình.

Việc mua lại cổ phiếu không có nghĩa là phải thu hồi được Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mà có thể thực hiện bằng một thông báo gửi bằng thư bảo đảm đến địa chỉ đăng ký, trao thư trực tiếp hoặc gửi qua email của CBNV trước ít nhất 07 ngày có hiệu lực của việc mua lại.

2. Để lại thừa kế

CBNV qua đời trong thời gian hạn chế chuyển nhượng thì toàn bộ quyền, nghĩa vụ phát sinh sẽ được để lại thừa kế theo quy định của pháp luật, đồng thời, những hạn chế đối với cổ phiếu sẽ được bãi bỏ kể từ thời điểm mở thừa kế.

3. Chấm dứt HĐLĐ trong thời gian hạn chế chuyển nhượng

CBNV chấm dứt HĐLĐ với Công ty trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo thỏa thuận giữa hai bên thì bị mua lại cổ phiếu và được Công ty hoàn trả số tiền mua như nêu tại Khoản 1 Điều này, ngoại trừ trường hợp CT HĐQT phê duyệt cách thức xử lý khác.

4. Nghỉ hưu, tai nạn, bệnh tật không thể tiếp tục làm việc

CBNV nghỉ hưu theo chế độ, hoặc bị tai nạn, bệnh tật đến mức không thể tiếp tục thực hiện HĐLĐ thì không bị mua lại cổ phiếu, nhưng vẫn bị hạn chế chuyển nhượng, trừ trường hợp CT HĐQT quyết định khác bằng văn bản.

5. CT HĐQT được giao/ủy quyền quyết định mua lại cổ phiếu ngoại trừ các trường hợp nêu trên, ban hành quyết định, thực hiện các thủ tục mua lại cổ phiếu, bán ra cổ phiếu bị mua lại, xử lý các trường hợp phát sinh khác không được quy định tại Quy chế này mà không cần có Quyết định của HĐQT, bao gồm cả thủ tục đăng ký/thông báo với Cơ quan nhà nước.

6. Không áp dụng các biện pháp xử lý quy định tại Điều này đối với cổ phiếu đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng.

7. Cổ phiếu đã có Quyết định mua lại và Công ty đã thanh toán đủ cho CBNV, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho Công ty thì (i) CBNV không phải trả phí lưu ký và (ii) Công ty có toàn quyền tự động thu hồi các quyền, lợi ích phát sinh sau ngày có Quyết định mua lại.

8. Khi cổ phiếu ESOP được mua lại, CBNV có nghĩa vụ chi trả các khoản thuế, phí theo quy định pháp luật và Công ty có toàn quyền khấu trừ trước khi thanh toán cho CBNV, trừ khi CT HĐQT có quyết định khác.

9. Cổ phiếu ESOP được Công ty mua lại theo quy định tại điều này sẽ được Công ty bán ra theo quy định pháp luật hiện hành. Khi thực hiện mua lại cổ phiếu ESOP và bán ra cổ phiếu ESOP được mua lại, Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH

KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC MUA

ĐIỀU 8. ĐỐI TƯỢNG MUA CỔ PHIẾU

Đối tượng mua cổ phiếu bao gồm:

1. CBNV của Công ty, Công ty con thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a. Hợp đồng lao động với Công ty, Công ty con đang còn hiệu lực, kết quả đánh giá hiệu quả công việc năm 2025 xếp loại B trở lên và thời gian làm việc tối thiểu 09 tháng tính tại ngày 07/5/2026;
 - b. Top 20 Chuyên gia/Chuyên viên cao cấp/Chuyên viên tư vấn chứng khoán năm 2025;
 - c. Top 10 Trưởng phòng Tư vấn Chứng khoán năm 2025;
 - d. Trường hợp đặc biệt (CBNV Tiềm năng) theo đề xuất của Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng bộ phận và được Chủ tịch HĐQT phê duyệt.
2. Chuyên gia, nhân sự cao cấp do Công ty, Công ty con thu hút tuyển dụng (CBNV Thu hút tuyển dụng) và được Chủ tịch HĐQT quyết định.
 3. Thành viên HĐQT (bao gồm cả Chủ tịch công ty con): theo quyết định của Chủ tịch HĐQT.
 4. Không áp dụng đối với:
 - a. Nhân viên có đơn xin thôi việc hoặc đã nghỉ việc tính tại ngày 07/5/2026;
 - b. Nhân viên hiện đang nghỉ không lương với thời hạn từ 01 năm trở lên tính tại ngày 07/5/2026;
 - c. Lái xe, nhân viên/trợ lý hành chính của các bộ phận;
 - d. Nhân viên bị xử lý kỷ luật dưới bất kỳ hình thức nào trong vòng 01 năm tính đến ngày 07/5/2026.
 5. HĐQT hoặc người được ủy quyền có toàn quyền quyết định lựa chọn đối tượng phát hành cổ phiếu theo Chương trình và Quy chế này. Quyết định của HĐQT hoặc người được ủy quyền là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 9. CƠ SỞ XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN

1. Nhóm Thành viên Hội đồng quản trị và Nhóm CBNV Thu hút tuyển dụng: cơ sở phân bổ cổ phiếu do CT HĐQT phê duyệt;
2. Các nhóm còn lại bao gồm Nhóm CBNV Tiềm năng, Nhóm Top Tư vấn chứng khoán và Nhóm Cán bộ nhân viên: cơ sở để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá một CBNV có thuộc đối tượng của Chương trình hay không sẽ căn cứ:
 - a. Năng lực phát triển toàn diện, bao gồm: Năng lực lãnh đạo, Khả năng đổi mới sáng tạo và Khả năng thích ứng thay đổi;
 - b. Hiệu quả đóng góp cho Công ty;
 - c. Mức độ gắn bó với Công ty;
 - d. Cấp bậc vị trí trong Công ty.

ĐIỀU 10. THỦ TỤC THỰC HIỆN

1. Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành theo quy định của pháp luật;
2. CBNV đọc và hiểu rõ quy định tại Quy chế này;
3. Đăng ký mua cổ phiếu;
4. Thực hiện đúng trình tự, quy định theo thông báo của Công ty;
5. Nộp tiền mua cổ phiếu đúng thời hạn;

6. Công ty báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu mới phát hành.

CBNV vi phạm trình tự, thủ tục phát hành theo thông báo của Công ty thì được coi là tự nguyện từ bỏ quyền mua cổ phiếu được phân bổ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

HĐQT giao CT HĐQT giải quyết các khiếu nại phát sinh từ việc thực hiện Quy chế này. Quyết định của CT HĐQT là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 12. SỬA ĐỔI NỘI DUNG QUY CHẾ VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH

1. HĐQT có toàn quyền sửa đổi nội dung quy chế này, bao gồm cả các điều kiện kèm theo cổ phiếu phát hành trên nguyên tắc không sửa đổi theo hướng bất lợi hơn cho CBNV đã mua cổ phiếu, trừ trường hợp đối với cổ phiếu còn lại chưa phát hành hoặc cổ phiếu đã bị mua lại.
2. CT HĐQT ban hành văn bản hướng dẫn về quy trình mua lại cổ phiếu và xử lý các trường hợp phát sinh.

ĐIỀU 13. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Quy chế này gồm 4 Chương 13 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.
2. Công ty con và toàn thể CBNV tham gia Chương trình chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.



**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Về việc thông qua Danh sách người lao động đủ điều kiện mua cổ phiếu
phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty ("Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ");
- Nghị quyết số 01/2026/NQ-SSI.ĐHĐCĐ ngày 23/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty ("Nghị quyết số 01/2026/NQ-SSI.ĐHĐCĐ");
- Nghị quyết số 07/2026/NQ-SSI.HĐQT ngày 07/5/2026 của Hội đồng quản trị thông qua triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Nghị quyết số 08/2026/NQ-SSI.HĐQT ngày 07/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ và Điều 6 Nghị quyết số 01/2026/NQ-SSI.ĐHĐCĐ;
- Biên bản tổng hợp ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị ngày 07/5/2026;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Danh sách người lao động đủ điều kiện mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2026/NQ-SSI.ĐHĐCĐ ngày 23/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông đính kèm.

Điều 2: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Theo Điều 2;
- HĐQT, BTGD;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Duy Hưng

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN MUA CỔ PHIẾU
PHÁT HÀNH THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-SSI.HĐQT ngày 07/5/2026)

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
1.	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị			1.000.000
2.	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị			400.000
3.	Phạm Viết Muôn	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị			20.000
4.	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị			20.000
5.	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị			200.000
6.	Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch Công Ty TNHH Quản lý Quỹ SSI			150.000
7.	Nguyễn Ngọc Đam	Trưởng phòng Phát triển Phần mềm			10.000
8.	Trần Thị Thu Hiền	Trưởng phòng Quản trị danh mục dự án			30.000
9.	Thái Hoàng Anh Quân	Giám đốc dự án Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư			20.000
10.	Đỗ Minh Tuấn	Chuyên viên cao cấp Giao dịch Định lượng			10.000
11.	Lê Thị Linh	Chuyên viên cao cấp Phân tích nghiệp vụ			10.000
12.	Nguyễn Huy Tùng	Chuyên gia Quan hệ báo chí			10.000
13.	Đỗ Trọng Nguyên	Giám đốc Dự án Hệ thống Quản trị Doanh nghiệp và Số hóa Quy trình			30.000
14.	Lê Khắc Thuần	Giám đốc Phát triển Kinh doanh			30.000
15.	Nguyễn Minh Phúc	Giám đốc Khoa học Dữ liệu và Kỹ thuật			25.000
16.	Ngô Thế Hải Anh	Chuyên gia An ninh Thông tin			10.000
17.	Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng nhóm An ninh Thông tin			20.000
18.	Trần Văn Đạt	Chuyên viên Cao cấp An ninh Thông tin			20.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
19.	Chu Huy Hoàng	Trưởng phòng Đào tạo			25.000
20.	Mi Na	Chuyên viên Đào tạo			9.000
21.	Thomas Nguyen	Giám đốc Thị trường nước ngoài			400.000
22.	Đặng Ngọc Quyên	Trưởng phòng Vận hành chung			20.000
23.	Lê Đỗ Minh Nga	Quản trị Dự án			25.000
24.	Huỳnh Văn Xin Gơ	Trưởng nhóm Vận hành chung			5.000
25.	Hoàng Văn Anh	Giám đốc Dự án			55.000
26.	Trần Ngọc Thắng	Chuyên viên cao cấp Quản trị mạng			10.000
27.	Nguyễn Văn Nhương	Chuyên viên cao cấp Quản trị Cơ sở dữ liệu			10.000
28.	Phạm Thanh Huyền	Chuyên viên cao cấp Phân tích nghiệp vụ			7.000
29.	Nguyễn Ngọc Quốc	Phó phòng Phân tích nghiệp vụ			30.000
30.	Dương Minh Tuấn	Kiến trúc sư Giải pháp			55.000
31.	Nguyễn Trần Minh Tú	Chuyên viên Cao cấp Hỗ trợ Ứng dụng			5.000
32.	Dương Công Đạt	Trưởng nhóm Kiểm thử tự động			20.000
33.	Đào Thế Dũng	Chuyên viên cao cấp Phát triển Phần mềm			12.000
34.	Trần Quang Khải	Chuyên viên Quản trị hệ thống			6.000
35.	Nguyễn Đình Sơn	Chuyên viên cao cấp Phát triển Phần mềm			10.000
36.	Trần Bảo Long	Kỹ sư Giải pháp			20.000
37.	Nguyễn Thế Nghiệp	Chuyên viên cao cấp Phân tích nghiệp vụ			8.000
38.	Lê Anh Tuấn	Chuyên viên Phát triển Phần mềm			5.000
39.	Nguyễn Thu Hà	Chuyên viên Cao cấp Quản lý Chất lượng			6.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
40.	Nguyễn Văn Nguyên	Trưởng nhóm DevOps			25.000
41.	Lê Văn Hùng	Chuyên viên Phát triển Phần mềm			5.000
42.	Vũ Đức Anh	Chuyên viên Phát triển Phần mềm			6.000
43.	Ninh Thanh Bình	Chuyên viên cao cấp Phát triển Phần mềm			10.000
44.	Trần Anh Sơn	Chuyên viên Quản trị Cơ sở dữ liệu			10.000
45.	Trần Diệu Hoa	Trưởng nhóm Phân tích nghiệp vụ			10.000
46.	Nguyễn Thị Thanh Mai	Chuyên viên Phân tích nghiệp vụ			7.000
47.	Đoàn Ngọc Tú	Chuyên viên Phát triển Phần mềm			5.000
48.	Nguyễn Thế Thành	Trưởng nhóm Phát triển Phần mềm			27.500
49.	Lê Đại Phong	Chuyên viên cao cấp Phân tích nghiệp vụ			13.000
50.	Trần Đình Tùng	Trưởng phòng Phát triển Phần mềm			40.000
51.	Đặng Phương Oanh	Chuyên viên Phân tích nghiệp vụ			5.000
52.	Trần Thanh Tùng	Chuyên viên cao cấp Phát triển Phần mềm			10.000
53.	Ninh Sơn Trường	Giám đốc Dự án			100.000
54.	Triệu Minh Hà	Trưởng nhóm Phát triển Phần mềm			27.500
55.	Ngô Nguyễn Thái Hoàng	Chuyên viên Quản trị hệ thống			5.000
56.	Dư Văn Minh	Chuyên viên Phát triển Phần mềm			9.000
57.	Nguyễn Hữu Huy	Trưởng phòng Cao cấp Hạ tầng Công nghệ			45.000
58.	Mai Thị Lý	Kỹ sư Kiểm thử Tự động			6.000
59.	Bùi Thế Tân	Giám đốc Khối Bán lẻ			450.000
60.	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính			450.000
61.	Nguyễn Vũ Thùy Hương	Giám đốc Khối cao cấp phụ trách Khối Đầu tư và Khối			500.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
		Nguồn vốn & Kinh doanh Tài chính			
62.	Nguyễn Kim Long	Giám đốc Luật và Kiểm soát Tuân thủ			40.000
63.	Vũ Cường	Chuyên gia			20.000
64.	Nguyễn Duy Linh	Giám đốc Phát triển Kinh doanh toàn cầu			50.000
65.	Bùi Thị Hồng Nhung	Phó Giám đốc Tài chính			70.000
66.	Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám Đốc Công Ty TNHH Quản lý Quý SSI (SSIAM) Kiểm Trọ Lý Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị			500.000
67.	Phạm Lưu Hưng	Giám đốc Trung tâm Phân tích & Tư vấn Đầu tư kiêm Trưởng Ban Đào tạo và Phát triển			55.000
68.	Mai Hoàng Khánh Minh	Giám đốc Khối Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng tổ chức			400.000
69.	Nguyễn Đức Thông	Tổng Giám Đốc			500.000
70.	Nguyễn Khắc Hải	Giám đốc khối – Phụ trách Luật và Kiểm soát Tuân thủ			183.000
71.	Lê Thị Quý	Giám đốc Nhân sự			50.000
72.	Lê Cẩm Bình	Giám đốc Kiểm toán nội bộ			34.000
73.	Đặng Mạnh Cường	Giám đốc Quản trị rủi ro			36.000
74.	Lưu Minh Trí	Giám đốc An ninh thông tin			50.000
75.	Huỳnh Thị Thanh Thảo	Phó Giám Đốc Trung tâm Vận hành Giao dịch Kiểm Giám đốc Kiểm Soát Nghiệp Vụ			85.000
76.	Lương Lan My	Giám đốc Đối ngoại			34.000
77.	Nguyễn Thị Thu Thủy	Quản lý Điều phối Chiến lược			66.000
78.	Khuông Thị Minh Nguyệt	Giám đốc Dự án			60.000
79.	Lê Thị Thanh Tâm	Giám đốc Phát triển sản phẩm số			50.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
80.	Phạm Thị Thu Hà	Giám đốc Phát triển sản phẩm tài chính			70.000
81.	Nguyễn Thị Thùy Linh	Giám đốc Dự án			100.000
82.	Lê Bảo Nguyên	Giám đốc dự án kiêm Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Quản trị			50.000
83.	Lưu Minh Tuấn	Trưởng phòng cao cấp phân tích dữ liệu			50.000
84.	Nguyễn Thúy Anh	Giám đốc Hành chính			20.000
85.	Nguyễn Hà Quân	Trưởng phòng Trải nghiệm khách hàng			40.000
86.	Phạm Thị Phương Thảo	Trưởng phòng Phát triển sản phẩm Phi tài chính			20.000
87.	Nguyễn Minh Tuấn	Chuyên viên Quản trị Khách hàng			6.000
88.	Phạm Thị Ngọc Thu	Chuyên viên Cao cấp Tăng trưởng			11.000
89.	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Phó phòng Hành chính			12.500
90.	Đình Văn Toán	Chuyên viên cao cấp Hành chính			8.000
91.	Hoàng Thị Tuyết Ngân	Chuyên viên Hành chính			5.000
92.	Cù Thị Ánh Tuyết	Chuyên viên Hành chính			11.000
93.	Trần Hà Vân	Giám đốc Phòng giao dịch			30.000
94.	Trần Thị Nguyệt Ánh	Giám đốc Trung tâm Kinh doanh			15.000
95.	Trịnh Quốc Đạt	Giám đốc Trung tâm Kinh doanh			15.000
96.	Thân Trung Liệt	Giám đốc Phòng giao dịch			40.000
97.	Vũ Minh Hằng	Trưởng phòng Quản trị Môi giới			40.000
98.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng phòng Đầu tư			42.000
99.	Nguyễn Hoàng Hải	Chuyên viên cao cấp Đầu tư cổ phiếu			10.000
100.	Phạm Việt Mỹ	Chuyên viên cao cấp Giao dịch Định lượng			25.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
101.	Dương Quốc Thịnh	Giám đốc Môi giới Khách hàng tổ chức			55.600
102.	Đặng Đức Thịnh	Chuyên viên cao cấp Môi giới Khách hàng tổ chức			8.200
103.	Nguyễn Thị Diệu Ái	Chuyên viên cao cấp Môi giới Khách hàng tổ chức			8.200
104.	Huỳnh Bảo Trân	Trưởng phòng Môi giới Khách hàng tổ chức			17.400
105.	Phạm Quốc Đạt	Giám đốc Phát triển Khách hàng tổ chức			47.000
106.	Ngô Khả Tú	Chuyên viên cao cấp Phát triển Khách hàng tổ chức			7.500
107.	Lê Ngọc Quỳnh Anh	Trưởng phòng Phát triển Khách hàng tổ chức			20.000
108.	Tạ Thị Lan Hương	Trưởng phòng cao cấp Phát triển Khách hàng Tổ chức			15.500
109.	Vũ Lê Minh Trí	Giám đốc dự án Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư			10.000
110.	Chử Thị Ánh Nguyệt	Giám đốc phụ trách Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư			45.000
111.	Nghiêm Thị Minh Anh	Chuyên viên cao cấp Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư			10.000
112.	Nguyễn Chi Phượng Các	Giám đốc Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư			12.000
113.	Dương Minh Đức	Giám đốc Chi nhánh			35.000
114.	Nguyễn Thị Phương Nhung	Trưởng phòng Kinh doanh Tiền tệ			42.000
115.	Nghiêm Như Ngọc	Chuyên viên cao cấp Kinh doanh Tiền tệ			10.000
116.	Hà Thị Minh Thủy	Chuyên viên Kinh doanh Tiền tệ			10.000
117.	Đình Mạnh Thắng	Chuyên viên cao cấp Kinh doanh Tiền tệ			10.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
118.	Đình Hồng Nhung	Chuyên viên Cao cấp Kinh doanh Trái phiếu và Sản phẩm Cấu trúc			15.000
119.	Lư Gia Đức	Chuyên viên Kinh doanh Trái phiếu và Sản phẩm Cấu trúc			10.000
120.	Đỗ Thị Bích	Chuyên viên cao cấp Tác nghiệp			12.000
121.	Trần Thị Ngọc Anh	Chuyên viên Tác nghiệp			9.000
122.	Nguyễn Ngọc Trân	Chuyên viên cao cấp Kiểm toán Nội bộ			10.000
123.	Nguyễn Thị Duyên	Trưởng nhóm Luật			23.000
124.	Dương Đoàn Thúy Ái	Chuyên viên Luật			6.000
125.	Bùi Hồ Tú Anh	Trưởng nhóm Luật			14.000
126.	Phạm Thảo Linh	Chuyên viên cao cấp Tiếp thị sản phẩm			7.000
127.	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Chuyên viên cao cấp Phân tích dữ liệu			14.000
128.	Hoàng Quốc Việt	Kỹ sư dữ liệu			18.000
129.	Nguyễn Xuân Nam	Kỹ sư cao cấp dữ liệu			20.000
130.	Lê Hoàng Gia	Trưởng nhóm Phân tích Dữ liệu			22.000
131.	Trương Nguyễn Thiên Hương	Chuyên viên cao cấp Nhân sự			9.000
132.	Hoàng Thị Xoan	Trưởng phòng Nhân sự			31.000
133.	Trần Tố Uyên	Chuyên viên cao cấp Nhân sự			7.000
134.	Vương Ngọc Huyền	Chuyên viên Cao cấp Chính sách và Phát triển tổ chức			8.000
135.	Tạ Thị Hà Ngân	Chuyên gia Phát triển sản phẩm Phi tài chính			8.000
136.	Lê Tường Vân	Trưởng phòng cao cấp Phát triển sản phẩm số			25.000
137.	Nguyễn Thu Quyên	Phó phòng Phát triển sản phẩm số			13.000
138.	Dương Thị Thúy	Chuyên viên cao cấp Phát triển sản phẩm số			13.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
139.	Trần Đình Quốc Sanh	Trưởng nhóm Phát triển sản phẩm tài chính			9.000
140.	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng phòng cao cấp Phát triển sản phẩm tài chính			25.000
141.	Trần Thị Thiên Thanh	Chuyên viên cao cấp Phát triển sản phẩm tài chính			9.000
142.	Huỳnh Thị Thanh Lan	Chuyên viên Cao cấp Quản trị Rủi ro			10.000
143.	Lê Anh Minh	Giám đốc Đầu tư			35.000
144.	Vũ Thúy Mai	Kế toán trưởng			13.000
145.	Nguyễn Thị Cúc	Chuyên viên cao cấp Kế toán			6.000
146.	Hoàng Thị Thanh Hoa	Trưởng nhóm nghiệp vụ quý			4.000
147.	Bùi Vĩnh Thiện	Phó Giám đốc Đầu tư			12.000
148.	Trịnh Hải Ngọc Anh	Chuyên viên Đầu tư Cổ phiếu			8.000
149.	Lê Quý Hải	Giám đốc Đầu tư			10.000
150.	Nguyễn Nghĩa Tuấn	Phó Giám Đốc Phát triển Kinh doanh			15.000
151.	Nguyễn Thanh Tú	Phó phòng Luật và Kiểm soát Tuân thủ			8.000
152.	Đào Thị Bích Diệp	Kế toán trưởng Chi nhánh			26.000
153.	Nguyễn Thị Hồng Diệp	Kiểm soát viên			7.000
154.	Phùng Thị Minh Nguyệt	Kế toán viên Cấp 2			10.000
155.	Kim Thị Như Mai	Chuyên viên Cao cấp Quản trị Tài chính			6.000
156.	Hoàng Thị Minh Thủy	Giám đốc Nghiệp vụ Dự án ERP			20.000
157.	Từ Cẩm Huệ	Kế toán trưởng			30.000
158.	Phan Khánh Dương	Chuyên viên cao cấp thiết kế Trải nghiệm người dùng			13.000
159.	Nguyễn Thu Hà	Giám đốc Phân tích Cổ phiếu			36.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
160.	Trương Minh Phương Duy	Chuyên viên cao cấp Phân tích Đầu tư Cổ phiếu			12.000
161.	Bạch Chấn Mẫn	Chuyên viên Phân tích Cổ phiếu			11.000
162.	Cao Hương Thảo	Phó phòng Giải pháp Giao dịch			20.000
163.	Nguyễn Văn Lâm	Trưởng phòng Vận hành Dịch Vụ Giao Dịch			19.500
164.	Nguyễn Thị Huệ	Chuyên viên cao cấp Giải pháp Giao dịch			15.000
165.	Phạm Đăng Quang	Trưởng nhóm Giải pháp Giao dịch			12.100
166.	Nguyễn Thị Trúc Ly	Chuyên viên Giải pháp Giao dịch			5.900
167.	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	Trưởng nhóm Quy trình Dịch vụ Giao dịch			18.100
168.	Huỳnh Trọng Nhân	Phó phòng Giải pháp Giao dịch			19.500
169.	Nguyễn Thị Thùy Liên	Chuyên viên cao cấp Quy trình Dịch Vụ Giao Dịch			10.200
170.	Lê Tú Anh	Chuyên viên cao cấp Giải pháp Giao dịch			11.100
171.	Vũ Thanh Vân	Chuyên viên Vận hành Dịch Vụ Giao Dịch			5.200
172.	Phùng Thị Ngọc Linh	Giám đốc Dịch vụ Tài chính			33.200
173.	Tạ Thị Ngọc	Trưởng nhóm Giải pháp Tài Chính			17.400
174.	Võ Thị Thu Thảo	Chuyên viên Giải pháp Tài Chính			8.600
175.	Ngô Thị Yến Thanh	Chuyên viên Vận hành Dịch Vụ Tài Chính			5.300
176.	Tống Thị Thuý Thuý	Chuyên viên Vận hành Dịch Vụ Tài Chính			5.800
177.	Nguyễn Thị Minh Thu	Chuyên viên cao cấp Dịch vụ khách hàng			10.000
178.	Đình Phương Đức	Giám đốc Phòng giao dịch			37.400
179.	Trần Thu Trang	Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng			20.000
180.	Bùi Thị Châu	Trưởng phòng cao cấp Dịch vụ khách hàng			20.500

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
181.	Lại Thị Nhật Minh	Chuyên viên cao cấp Dịch vụ khách hàng			15.000
182.	Nguyễn Thị Thu Huyền	Phó phòng Dịch vụ khách hàng			15.000
183.	Nguyễn Thu Hương	Chuyên viên cao cấp Dịch vụ khách hàng			12.300
184.	Đông Thị Hòa	Chuyên viên cao cấp Dịch vụ khách hàng			10.000
185.	Trần Thanh Hải	Chuyên viên cao cấp Dịch vụ khách hàng			8.200
186.	Hồ Thị Thùy Linh	Chuyên viên cao cấp Dịch vụ khách hàng			7.100
187.	Trần Thị Vân Anh	Chuyên viên cao cấp Dịch vụ khách hàng			11.100
188.	Nguyễn Khánh Linh	Chuyên viên cao cấp Dịch vụ khách hàng			7.400
189.	Nguyễn Hồng Anh	Chuyên viên cao cấp Thương hiệu			10.000
190.	Tạ Linh Chi	Chuyên viên cao cấp Sự kiện			18.000
191.	Trần Văn An	Thư ký Chủ tịch			10.000
192.	Đinh Tuyết Mai	Chuyên viên cao cấp Quản lý dự án			10.000
193.	Lưu Mỹ Huyền	Chuyên viên cao cấp Quản lý dự án			10.000
194.	Trương Vĩnh Trung	Trưởng nhóm Hỗ trợ ứng dụng			5.000
195.	Trịnh Đình Cường	Quản trị dự án kiêm quản lý tài nguyên			10.000
196.	Đỗ Văn Đức	Trưởng nhóm Phát triển Phần mềm			10.000
197.	Nguyễn Thị Thu Hằng	Trưởng phòng Quản lý Chất lượng			20.000
198.	Trần Sang	Phó phòng Quản trị Hệ thống			20.000
199.	Bùi Văn Quốc	Trưởng nhóm Phát triển Phần mềm			10.000
200.	Hoàng Thùy Linh	Chuyên viên cao cấp Quản lý chương trình			7.000
201.	Phạm Tuấn	Chuyên viên cao cấp Quản trị mạng			6.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
202.	Lý Hùng Sơn	Trưởng phòng Phát triển Phần mềm			25.000
203.	Phạm Thị Hậu	Chuyên viên Phân tích nghiệp vụ			7.000
204.	Lê Xuân Hải	Chuyên viên Phát triển Phần mềm			7.000
205.	Vũ Thị Hằng Nga	Chuyên viên Phân tích nghiệp vụ			5.000
206.	Vũ Thị Bích Ngọc	Chuyên viên cao cấp Phân tích nghiệp vụ			8.000
207.	Phan Hữu Thanh Chung	Kỹ sư Cao cấp DevOps			15.000
208.	Trần Trung Kiên	Quản trị Dự án			20.000
209.	Đào Đức Mạnh	Chuyên viên Khoa học Dữ liệu			6.000
210.	Nguyễn Tiến Tùng	Chuyên viên Phân tích nghiệp vụ			6.000
211.	Nguyễn Lê Quang Thắng	Chuyên viên Phát triển Phần mềm			5.000
212.	Nguyễn Đức Thắng	Kỹ sư DevOps			8.000
213.	Lưu Ngọc Ánh	Chuyên viên cao cấp Phân tích nghiệp vụ			10.000
214.	Vũ Thu Phương	Chuyên viên Cao cấp Tăng trưởng			9.500
215.	Nguyễn Xuân Hoàng	Chuyên viên Phát triển kinh doanh trực tuyến			7.000
216.	Nguyễn Thảo Vân	Chuyên viên Cao cấp Tăng trưởng			7.000
217.	Nguyễn Thị Thúy	Phó phòng Hành chính			8.000
218.	Nguyễn Trung Thành	Kỹ sư Cơ điện			5.500
219.	Lê Công Hiệp	Giám đốc Trung tâm Kinh doanh			20.000
220.	Nguyễn Văn Toàn	Giám đốc Trung tâm Kinh doanh			25.000
221.	Trần Ngọc Dũng	Giám đốc Trung tâm Kinh doanh			20.000
222.	Vũ Phương Liên	Chuyên viên cao cấp Quản trị Môi giới			13.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
223.	Đỗ Mỹ Hạnh	Chuyên gia Quản trị Hiệu suất			10.000
224.	Nguyễn Vũ Quỳnh Hương	Chuyên viên cao cấp Quản trị Khách hàng			12.000
225.	Đỗ Thị Ngọc	Chuyên gia Quản trị Hiệu suất			10.000
226.	Nguyễn Hoàng Long	Trưởng phòng Giao dịch Phái sinh và Định lượng			20.000
227.	Nguyễn Mạnh Tuấn	Chuyên viên Phát triển Phần mềm			10.000
228.	Ngô Thu Nga	Giám đốc Môi giới Khách hàng tổ chức			14.500
229.	Lê Bích Ngọc	Trưởng phòng Môi giới Khách hàng tổ chức			15.300
230.	Phạm Thị Thu Trang	Chuyên viên cao cấp Môi giới Khách hàng tổ chức			8.000
231.	Phạm Minh Đức	Trưởng phòng cao cấp Phát triển Khách hàng Tổ chức			12.800
232.	Diệp Bảo Quỳnh Châu	Trưởng phòng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư			7.000
233.	Nguyễn Bảo Long	Trưởng phòng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư			6.000
234.	Tạ Thái Bình	Giám đốc phụ trách Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư			45.000
235.	Nguyễn Thị Thùy Duyên	Giám đốc dự án Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư			15.000
236.	Phan Tùng Lâm	Giám đốc Kinh doanh Trái phiếu và Sản phẩm Cấu trúc			15.000
237.	Tô Phương Ly	Trưởng phòng Tác nghiệp			12.000
238.	Trần Thị Như Ánh	Chuyên viên cao cấp Kiểm soát Tuân thủ			12.000
239.	Nguyễn Quang Hùng	Chuyên viên Luật			5.000
240.	Đỗ Thị Mai Hương	Trưởng nhóm Tiếp thị Kỹ thuật số			6.000
241.	Bùi Lan Anh	Chuyên viên Phân tích Dữ liệu			18.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
242.	Hà Tiến Thành	Trưởng nhóm Quản trị Dữ liệu			10.000
243.	Hồ Thị Hoàng Linh	Chuyên viên cao cấp Nhân sự			7.000
244.	Lê Khánh Linh	Chuyên viên Nhân sự			5.000
245.	Phạm Thị Ngọc Ly	Trưởng nhóm Phát triển sản phẩm số			10.000
246.	Trần Lan Thanh	Chuyên viên cao cấp Phát triển sản phẩm số			5.000
247.	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng phòng Quan hệ Nhà đầu tư			10.000
248.	Nguyễn Bá Huy	Giám đốc Đầu tư			10.000
249.	Đào Phước Toàn	Giám đốc Đầu tư			32.000
250.	Nguyễn Xuân Quỳnh	Giám đốc Đầu tư			30.000
251.	Tô Thùy Linh	Phó Tổng giám đốc			22.000
252.	Vũ Thị Nguyên Hương	Trưởng phòng Nghiệp vụ Quý			15.000
253.	Vũ Hà Sơn	Phó Giám đốc Đầu tư			15.000
254.	Trần Thu Phương	Giám đốc Phát triển Kinh doanh			20.000
255.	Nguyễn Hoàng Nhật Anh	Chuyên viên Phát triển Kinh doanh			20.000
256.	Trần Tố Loan	Kiểm soát viên			7.000
257.	Lê Thị Trường Mơ	Phó phòng Kế toán			7.000
258.	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Kiểm soát viên			7.000
259.	Đinh Thị Thương Huyền	Trưởng phòng Quản trị Tài chính			16.000
260.	Dương Thị Phương Uyên	Phó phòng Kế toán			14.000
261.	Hồ Hữu Tuấn Hiếu	Chuyên gia Chiến lược đầu tư			11.000
262.	Đào Minh Châu	Giám đốc Phòng giao dịch			21.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
263.	Vũ Thị Huyền Trang	Phó phòng Vận hành Dịch Vụ Giao Dịch			10.000
264.	Trần Ngọc Minh Châu	Chuyên viên Giải pháp Giao dịch			4.900
265.	Bùi Tuấn Long	Chuyên viên Giải pháp Giao dịch			5.200
266.	Trần Tiến Huy	Chuyên viên Giải pháp Giao dịch			4.600
267.	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Phó phòng Vận hành Dịch Vụ Tài Chính			15.900
268.	Lưu Hồng Ngọc	Phó phòng Vận hành Dịch Vụ Tài Chính			13.000
269.	Hồ Thị Quỳnh Mai	Chuyên viên cao cấp Vận hành Dịch Vụ Tài Chính			6.100
270.	Trịnh Kim Ngân	Chuyên viên Giải pháp Tài Chính			4.200
271.	Phạm Hồng Mai	Chuyên viên cao cấp Dịch vụ khách hàng			6.100
272.	Trần Mỹ Lan Uyên	Phó phòng Dịch vụ khách hàng			10.000
273.	Nguyễn Phương Lan	Chuyên viên cao cấp Dịch vụ khách hàng			6.700
274.	Nguyễn Đoàn Phương Uyên	Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng			9.500
275.	Đặng Hồng Hạnh	Chuyên viên cao cấp Dịch vụ khách hàng			6.700
276.	Hoàng Thị Thu Hiền	Chuyên viên cao cấp Giám sát			6.700
277.	Nguyễn Thu Hà	Chuyên viên Dịch vụ khách hàng			4.000
278.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Giám đốc Tư vấn			9.000
279.	Trần Ngọc Tú	Giám đốc Tư vấn			9.000
280.	Phạm Kim Độ	Giám đốc Tư vấn			8.000
281.	Nguyễn Thanh Bình	Giám đốc Tư vấn			12.000
282.	Trần Phú Tùng	Giám đốc Tư vấn			8.000
283.	Trần Thuận Lộc	Giám đốc Tư vấn			10.000
284.	Lê Thành Đạt	Giám đốc Tư vấn			12.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Phòng ban	Đơn vị	Tổng số cổ phiếu phân bổ
285.	Nguyễn Thanh Tùng	Giám đốc Tư vấn			8.000
286.	Nguyễn Thị Lan Phương	Giám đốc Tư vấn			8.000
287.	Khúc Ngọc Tuyên	Giám đốc Tư vấn			7.000
288.	Trần Thị Thùy Dương	Giám đốc Tư vấn			9.000
289.	Phạm Hùng Win	Giám đốc Tư vấn			8.000
290.	Nguyễn Hồng Trang	Chuyên gia Tư vấn Chứng khoán			12.000
291.	Phạm Thế Trường	Chuyên gia Tư vấn Chứng khoán			8.000
292.	Phạm Văn Lợi	Trưởng phòng Tư vấn Chứng khoán			8.000
293.	Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng phòng Tư vấn Chứng khoán			7.000
294.	Lê Bá Minh	Chuyên gia Tư vấn Chứng khoán			5.000
295.	Phạm Tường Huy	Chuyên gia Tư vấn Chứng khoán			7.000
TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ					10.000.000